**Mẫu 1A:**

**BÁO CÁO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH**

**CẤP HUYỆN VÀ SỞ BAN NGÀNH TỈNH LÀO CAI (DDCI LÀO CAI 2020)**

**Phân tích chuyên sâu: HUYỆN SI MA CAI**

**(Dự thảo)**

**I. Tổng quan chung về huyện Si Ma Cai**

Si Ma Cai là huyện vùng cao biên giới, có 9,2 km đường biên giáp với huyện Mã Quan, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

Phía Bắc giáp huyện Mường Khương - tỉnh Lào Cai và huyện Mã Quan - tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

Phía Nam giáp huyện Bắc Hà - tỉnh Lào Cai.

Phía Tây giáp huyện Mường Khương - tỉnh Lào Cai.

Phía Đông giáp huyện Sín Mần - tỉnh Hà Giang.

Si Ma Cai nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Lào Cai, cách trung tâm thành phố 95km; có toạ độ địa lý từ 22035’30’’ đến 22006'00'' vĩ độ Bắc; 104006'30'' đến 104012'00'' kinh độ Đông. Trung tâm huyện hiện nay là thị trấn Si Ma Cai. Địa hình thuộc khối nông vòm sông Chảy (vùng núi có tuổi cổ nhất so với nền cấu tạo Bắc Bộ), được kiến tạo bởi nhiều dãy núi chạy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, thấp dân về phía Bắc với đặc trưng phân tầng độ cao lớn, chia cắt mạnh, nhiều thung lũng nhỏ hẹp.

Các dải núi về cơ bản gồm: Mạch núi trung tâm lãnh thổ huyện khởi nguồn từ Đông Nam xã Nàn Sín chạy qua các đỉnh núi có độ cao 1.800m đến 1.630m theo hướng Đông Bắc - Tây Nam tới điểm cuối cùng thuộc phía Đông Bắc xã Sán Chải. Mạch núi khu Tây Bắc chạy theo hướng vòng cung với hướng chính là Đông Bắc - Tây Nam. Ngoài ra, ở khu Đông Nam huyện được hình thành bởi phần cuối của các dải núi nhỏ chạy từ Bắc Hà hướng Đông Bắc - Tây Nam.

Diện tích tự nhiên toàn huyện là 23.454ha. Trong đó đa số là đất dốc: độ dốc trên 250 khoảng 12.423ha (chiếm 53%), độ dốc 15 - 250 là 7.501ha (chiếm 32%), độ dốc 7 - 150 là 3.330ha chiếm (14,2%), độ dốc 3 - 70 là 167ha (chiếm 0,7%), độ dốc < 30 chiếm tỷ lệ không đáng kể (0,l%).

Nằrn trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Do ảnh hưởng của địa hình nên diễn biến khí hậu khá phức tạp, hình thành các tiểu vùng khí hậu khác biệt: Vùng khí hậu cận nhiệt đới và vùng khí hậu nhiệt đới không điển hình.

Nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 18,90C, tháng lạnh dưới 120C, chế độ nhiệt có sự thay đổi theo các đai cao rõ rệt và thay đổi nhiệt độ diễn ra ngay trong phạm vi một xã. Ở vùng ven sông Chảy, các thung lũng thấp nhiệt độ thường cao, cường độ chiếu sáng lớn hơn so với các khu vực đai cao trên 800m.

Lượng mưa trung bình năm đạt mức từ l.300mm đến 2.000mm tập trung vào các tháng 6, 7 và 8. Các tháng còn lại trong năm mưa ít, cường độ không tập trung. Số ngày mưa trong năm khoảng trên 150 ngày.

Độ ẩm trung bình cả năm khoảng từ 83% - 87%. Về mùa mưa độ ẩm không khí lớn hơn thường từ 85 - 88%. Độ ẩm không khí thay đổi theo từng vùng lãnh thổ của huyện. Vùng núi cao trên 800mm, độ ẩm không khí thấp và hanh khô.

Dân số trung bình trên địa bàn huyện 38.191 người, mật độ dân số 162.833 người/km2; có 15 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc Mông chiếm gần 80%; trình độ dân trí, chất lượng nguồn lao động thấp.

**II. Phân tích chi tiết DDCI 2019 của huyện Si Ma Cai**

**1. Xếp hạng chung**

Đối với kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện năm 2019, huyện Si Ma Cai được 80,7 điểm, đánh giá trong tốp hai của các huyện, thành phố, thị xã. cụ thể các chỉ tiêu đạt được như chi phí gia nhập thị trường đạt 8.14 điểm; Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh đạt 7.14 điểm, Hiệu quả của thủ tục thuế đạt 7.6 điểm; Hiệu quả trong cấp phép thanh tra, kiểm tra đạ 8.16 điểm; Tính năng động tiên phong của lãnh đạo huyện đạt 7.96 điểm; Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình đạt 7.79 điểm, tính minh bạch thong tin và đối sử công bằng đạt 8.25 điểm; Hiệu quả của việc cải cách thủ tục hành chính và bộ phận một cửa đạt 7.94 điểm…

Qua các kết quả nêu trên đặt ra vấn đề mở rộng cần quan tâm hơn nữa đến là việc việc đạt7.94 điểm đứng thứ 6 so với các huyện thành phố, Hiệu quả của thủ tục thuế đạt 7.6 điểm, Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh đạt 7.14 điểm đứng thứ 7, cùng với đó cần ứng dụng công nghệ thông tin (chính phủ điện tử - e -gov) của huyện mang lại độ hữu dụng, tiện lợi và khả năng khai thác của người dân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp.

**2. Phân tích chỉ số thành phần cốt lõi**

*2.1. Chi phí gia nhập thị trường*

Đối với huyện Si Ma Cai thời gian tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục, yêu cầu để đăng ký (lần đầu hoặc bổ sung thay đổi) cơ sở sản xuất kinh doanh, số lần đi lại để có được giấy đăng ký kinh doanh sau giấy hẹn và hiệu quả chung của thủ tục hành chính, dịch vụ công về đăng ký kinh doanh đang được đánh giá khá cao. Một phần là do huyện đã và đang áp dụng việc tiếp nhận và trả kết quả thông qua hệ thống một cửa một cửa liên thông của huyện, dịch vụ bưu chính công ích với trên 30% số thủ tục được thực hiện tại bộ phận một cửa. Đồng thời áp dụng dịch vụ công trực tuyến để người dân không phải đi lại nhiều trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh lần đầu hoặc thay đổi. Một phần nữa, tại bộ phận một cửa của huyện đã công khai tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký kinh doanh dể tiếp cận, tra cứu và hoàn thiện thủ tục.

*2.2. Khả năng tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh*

Việc cung cấp thông tin, niêm yết công khai về quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất trên địa bàn các xã đang là nguyên nhân gây ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận đất đai của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ngay cả khi nắm bắt được thông tin về quỹ đất thì khả năng tiếp cận được do việc cán bộ cấp xã chưa nắm chắc về chuyên môn, nghiệp vụ cũng là vấn đề đáng đề bàn thảo. Thủ tục hành chính và các quy định trong Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn cũng là vấn đề gây kho khan trỏ gại cho người dân tiếp cận, nhất là trong quá trình phát triển, nhu cầu của người dân tăng cao như hiện nay.

Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng tạo ra tính ổn định chưa cao do việc quy hoạch xây dựng vẫn còn xẩy ra một số ít dự án chưa kịp thời ở một số nơi, một số địa phương.

Trên địa bàn huyện đang quy hoạch 01 khu tiểu thủ công nghiệp tại xã Nàn Sán chưa được triển khai đầu tư, cũng là yếu tố gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất, nhất là với các cơ sở nhỏ, lẻ.

*2.3. Hiệu quả trong cấp phép, thanh tra, kiểm tra và an ninh trật tự*

Hiệu quả của công tác cấp phép xây dựng làm khá tốt công tác cấp phép dựng như kiểm tra thực địa trước cấp phép việc phối hợp giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp chặt chẽ hiệu quả, thời gian để giải quyết thủ tục hành chính đúng và ít bị chậm.

Hoạt động hiệu quả của ba cơ quan quản lý thị trường, đảm bảo an ninh trật tự và cơ quan kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường đang bị đánh giá ở mức khá. Bên cạch những kết quả đạt được cũng có một số lý do khách quan gây ảnh hửng đến hiệu quả trong chỉ tiêu này là: Một phần lý do mà người dân đưa ra có thể liên quan trực tiếp tới việc cạnh tranh hàng hóa giữa các nhà cung cấp, những thắc mắc liên quan trực tiếp tới việc các hộ kinh doanh không thực sự thuận lợi khi bước chân vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Thêm vào đó là việc bố trí lực lượng khá mỏng do biên chế ngày một tinh giản cũng làm giảm phần nào tính hiệu quả của công tác quản lý. Hơn nữa, việc huyện có một cơ quan chuyên ngành về tiêu chuẩn đo lường chất lượng là khá khó khăn, do việc sắp xếp bộ mày một tinh gọn và chức năng nhiệm vụ thuộc về cơ quan cấp tỉnh Một yếu tố nữa cũng ảnh hưởng khá nhiều đến chỉ số thành phần này, mà trọng tâm là hiệu quả của dịch vụ công về cấp phép, kiểm tra an toàn vệ sinh trong hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch, bảo vệ môi trường, phòng cháy - chữa cháy, lao động và an toàn lao động. Tuy nhiên, xét về khía cạnh cơ quan thực hiện hầu hết đều là đơn vị thuộc cấp tỉnh.

Trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính về cấp phép, kiểm tra việc thực hiện các quy định về môi trường vẫn gặp nhiều khó khăn, nhất là về nguồn nhân lực tại cơ quan thực hiện các thủ tục hành chính, số lượng công chức ngày một tinh giản, khối lượng công việc ngày một lớn, chủ yếu thông qua hệ thống công nghệ thông tin. Việc thẩm định và xác nhận hồ sơ môi trường cấp huyện gặp nhiều khó khăn trong việc xác định phù hợp quy hoạch sử dụng đất, mục đích sử dụng đất do nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh chưa thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng. Hồ sơ môi trường được thực hiện dựa trên bản thuyết minh dự án chưa được phê duyệt sẽ gây khó khăn cho người dân nếu xảy ra trường hợp có sự thay đổi, phải thực hiện lại thủ tục, tăng số lần và chi phí đi lại của người dân, cơ sở sản xuất kinh doanh.

*2.4. Hiệu quả của thủ tục thuế*

Các thủ tục về thuế đang là vấn đề khá được quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và của hộ kinh doanh nói riêng. Việc người dân đánh giá về thời gian tìm hiểu thông tin, quy định, hoàn thành hồ sơ, giấy tờ về thủ tục thuế, mức độ công khai về số thuế phải nộp của đối tượng chịu thuế đang được đánh giá thấp xếp thứ 7 so với các huyện thành phố trong tỉnh do đội ngũ quản lý địa bàn chưa thực sự đi sâu, đi sát vào từng địa phương, đến từng nhà để quản lý, hỗ trợ, việc niêm yết công khai liên tục tại trụ sở UBND các xã được thực hiện chưa được thường xuyên liên tục trong tháng.

Hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về thuế tới từng người dân còn hạn chế là do địa bàn các xã vùng sâu, vùng xa dân cư ở dải rác không tập trung.

Để thực hiện xong toàn bộ các nội dung về thủ tục thuế, người dân đang phải đi lại nhiều hơn so với quy định, cũng là do địa bàn các xã xa trung tâm nơi đặt trụ sở chính của Chi cục thuế.

Hiện tại ngành Thuế là một trong những ngành tiên phong trong công tác cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng Công nghệ thông tin trong việc quản lý thuế. Toàn bộ ứng dụng CNTT được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ cấp Tổng cục Thuế đến cấp Chi cục Thuế. Vì lý do bảo mật dữ liệu và độ phức tạp của các mẫu tờ khai phải thực hiện của Người nộp thuế, nên việc kê khai và nộp thuế của Người nộp thuế khi thực hiện trên các ứng dụng CNTT của Ngành thuế còn gặp một số khó khăn nhất định. Hơn nữa, việc thường xuyên xuống nắm chắc địa bàn lại làm cho người dân có những hiểu nhầm về việc thanh tra, kiểm tra thường xuyên dẫn tới điểm số của chỉ tiêu đạt tương đối thấp.

*2.5. Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo huyện*

Lãnh đạo huyện đã thường xuyên lắng nghe, thấu hiểu và thực hiện hiệu quả quy định, chính sách của Nhà nước vì lợi ích của cơ sở sản xuất kinh doanh và trách nhiệm của người đứng đầu. Song vấn đề về tính tích cực chủ động đưa ra các giải pháp, sáng kiến, kinh nghiệm tốt nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và cơ chế liên thông, phối hợp giữa các phòng ban cấp huyện nhằm hỗ trợ giải quyết các công việc cho các cơ sở sản xuất kinh doanh đang là vấn đề tiếp tục quan tâm giải quyết. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là việc các cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan nhà nước đều làm công tác kiêm nhiệm nên kinh nghiệm, thời gian hỗ trợ giải quyết các khó khăn vướng mắc là rất hạn chế.

*2.6. Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình*

Lãnh đạo huyện thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại với nhân dân, các hộ kinh doanh, các hợp tác xã và doanh nghiệp để giải đáp các thắc mắc, hỗ trợ giải quyết các khó khăn vướng mắc. Sự hài lòng của người dân với các kết quả giải quyết kiến nghị của người dân đang được đánh giá ở mức khá, chưa thực sự thỏa mãn được mong muốn.

*2.7. Hiệu quả cải cách, TTHC, chất lượng dịch vụ công và hiệu quả của bộ phận một cửa*

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, cũng như đẩy mức độ cải cách hành chính công lên mức độ 3, 4 là một thành công của chính quyền. Song nó đem lại những hệ lụy không hề nhỏ ảnh hưởng trực tiếp tới người dân. Việc nhận thức, khả năng sử dụng công nghệ thông tin hay việc cung cấp dịch vụ của bưu chính công ích đang là vấn đề cần phải bàn, nhất là trong giai đoạn dịch vụ công dần chuyển sang cho Bưu điện thực hiện như hiện nay. Đội ngũ cán bộ của bên bưu chính không được đào tạo bài bản, chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ, cộng với sự chủ quan đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc người dân phải thực hiện các thủ tục hành chính nhiều lần do làm sai biểu mẫu, hướng dẫn kê khai không đúng yêu cầu và hồ sơ chưa đầy đủ. Thêm vào đó, là năng lực của cán bộ tiếp nhận tại bộ phận một cửa của cấp xã, các cơ quan, đơn vị cần phải bồi dướng thêm nhiều. Thái độ phục vụ nhân dân của bộ phận cán bộ đang cần phải chú trọng hơn. Nhất là đối với các đối tượng trực tiếp làm việc với người dân.

*2.9. Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh*

Về công tác hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh là không có cơ quan chuyên trách tham mưu cho huyện trong lĩnh vực này. Hầu hết các hoạt động hỗ trợ đều đến từ các cán bộ bán chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Do đó, nhìn mặt bằng chung của các huyện, thành phố, thị xã đều ở mức khá với mức cao nhất được đánh giá là 8,37 điểm. Một yếu tố nữa là nguồn lực đầu tư của huyện hầu như vẫn phụ thuộc vào trợ cấp của ngân sách tỉnh, các chương trình, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng do các cơ quan ngành dọc hoặc đơn vị của tỉnh thực hiện. Nên có sự phụ thuộc không nhỏ vào các yếu tố bên ngoài.

Mặt khác, các nguồn vốn ưu đãi dành cho các doanh nghiệp, hợp tác xã hay hộ kinh doanh còn chưa đáp ứng được nhu cầu. Mặc dù chính sách pháp luật và lộ trình đã có nhưng nguồn ngân sách hỗ trợ còn hạn hẹp do ngân sách địa phương chưa đủ đáp ứng chi thường xuyên và đầu tư phát triển của huyện. Việc phát động phong trào thi đua yêu nước đối với các thành phần kinh tế còn chưa thực sự được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện.

Về bình đẳng giới và dân tộc thiểu số còn chưa thực sự được quan tâm, một số còn có sự phân biệt giữa nam và nữ trong các địa bàn vùng sâu vùng xa là còn hiện hữu, một phần là do công tác tuyên truyền vận động người dân thay đổi nhận thức còn chưa hiệu quả. Công tác dân số gia đình, quyền bình đẳng của phụ nữ còn chưa được triển khai đồng bộ, thường xuyên một phần cũng là do nguồn lực còn thiếu và yếu về mọi mặt, trông chờ sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

*2.10. Chi phí không chính thức*

Một trong những lợi thế của huyện Si Ma Cai là việc người dân, hộ kinh doanh hay doanh nghiệp không phải bỏ ra hoặc bỏ rất ít chi phí không chính thức để được tham gia sản xuất kinh doanh hoặc thành lập đơn vị sản xuất kinh doanh. Một trong số những nguyên nhân dẫn đến là hệ thống thủ tục hành chính còn đang rườm rà, chưa tối ưu hóa, một số quy định còn ràng buộc người dân thực hiện các phần chi phí bên ngoài quy định để hoàn thành thủ tục. Đây là hệ quả tất yếu của các chỉ số thành phần gồm: chi phí gia nhập thị trường; hiệu quả trong cấp phép và thanh tra, kiểm tra; tính năng động, tiên phong của lãnh đạo huyện;

**3. Chỉ số thành phần mở rộng**

*3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử trong quản lý, điều hành*

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật để ứng dụng công nghệ thông tin đã và đang được quan tâm phát triển, song một phần yếu tố do khâu đầu tư còn chưa đồng bộ, hệ thống phần mềm mới phát triển còn chưa thực sự đi vào cuộc sống, việc tích hợp cùng đồng thời nhiều tính năng trên phần mềm còn chưa được chú trọng.

Mặc dù trang Website của huyện đã có cán bộ công nghệ thông tin quản trị khá hiệu quả song do chuyên môn được đào tạo vẫn cần được bồi dưỡng thêm với yêu cầu về góc độ hiệu quả mà người dân mong muốn cũng là một vấn đề gây ảnh hưởng tới chỉ số thành phần mở rộng này.

Tính hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chính phủ điện tử trong quản lý cũng bị ảnh hưởng bởi việc người dân có biết tới, có thể sử dụng được hay không một phần là do công tác tuyên truyền vận động của các xã còn chưa hiệu quả. Một bộ phận cán bộ cấp xã chưa thực sự giỏi trong sử dụng công nghệ thông tin cũng làm ảnh hưởng ít nhiều tới việc triển khai các dịch vụ và hỗ trợ người dân, làm cho thời gian đi lại, chờ đợi.

Một phần nữa là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình nộp thuế còn chưa được chú trọng, nhất là việc người dân phải đợi để nộp thuế tại ngân hàng hoặc kho bạc nhà nước. Việc cán bộ hỗ trợ người dân trong việc xử lý các hồ sơ thủ tục cũng là vấn đề cần cải thiện và khắc phục trong thời gian tới.

*3.2. Chú trọng tới phát triển bền vững và bao trùm trong quản lý, điều hành*

Riêng đối với chỉ tiêu mở rộng này, hiện đang là một vấn đề đáng quan tâm, nhất là trong thời điểm hiện nay. Công tác bình đẳng giới đã được quan tâm triển khai song vẫn chưa thực sự hiệu quả. Một phần là do tập tục, tập quán sinh hoạt và tư tưởng đã ăn sâu vào suy nghĩ của mọi người. Việc một doanh nhân hoặc một hộ kinh doanh đứng đầu là nữ giới không còn là thiểu số, số lượng các nữ doanh nhân đã phát triển, thúc đẩy sản xuất kinh doanh trên địa bàn khá mạnh. Song một phần yếu tố là nữ giới cũng làm cho họ có những yếu thế hơn so với phái mạnh. Nhìn vào cơ cấu lãnh đạo, nhất là các lãnh đạo nữ người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện là khá ít, một phần do năng lực, trình độ học vấn của các gia đình còn chưa cao, một bộ phận thoát ly khỏi gia đình là chưa nhiều. Đa số là do tư tưởng trọng nam khinh nữ, nữ giới thường ít được học tập, lao động bên ngoài hơn nam giới. Đó là hệ quả của công tác tuyên truyền vận động, về đào tạo và thay đổi nhận thức của người dân còn chưa được tốt.